

## QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 32 /NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>26.632.394</b>	<b>34.166.327</b>	<b>7.533.933</b>	<b>128</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>18.196.130</b>	<b>16.290.538</b>	-1.905.592	90
-	Thu NSDP hưởng 100%	3.636.371	3.992.894	356.523	110
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	14.559.759	12.297.644	-2.262.115	84
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>3.006.164</b>	<b>3.203.078</b>	<b>196.914</b>	<b>107</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách			0	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.006.164	3.203.078	196.914	107
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>		<b>43.796</b>	<b>43.796</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>1.105.161</b>	<b>1.105.161</b>	
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>5.430.100</b>	<b>13.358.296</b>	<b>7.928.196</b>	<b>246</b>
<b>VI</b>	<b>Thu viện trợ</b>		<b>14.992</b>	<b>14.992</b>	
<b>VII</b>	<b>Thu vay</b>		<b>150.466</b>	<b>150.466</b>	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>27.225.794</b>	<b>33.662.962</b>	<b>6.437.168</b>	<b>124</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>24.219.630</b>	<b>18.695.829</b>	<b>-5.523.801</b>	<b>77</b>
1	Chi đầu tư phát triển	6.249.303	6.840.375	591.072	109
2	Chi thường xuyên	13.240.605	11.852.990	-1.387.615	90
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.892	1.013	-4.879	17
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450	1.450	0	100
5	Chi dự phòng ngân sách	585.515		-585.515	0
6	Chi tạo nguồn CCTL	4.136.865		-4.136.865	0
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>3.006.164</b>	<b>525.627</b>	<b>-2.480.537</b>	<b>17</b>
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.098.286	8.399	-1.089.887	1
	Chi đầu tư	901.302	0	-901.302	0
	Chi thường xuyên	196.984	8.399	-188.585	4
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.907.878	517.228	-1.390.650	27
	Chi đầu tư	1.647.682	480.839	-1.166.843	29
	Chi thường xuyên	260.196	36.389	-223.807	14
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	<b>0</b>	<b>14.416.702</b>	<b>14.416.702</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi nộp trả ngân sách cấp trên</b>	<b>0</b>	<b>24.804</b>	<b>24.804</b>	
<b>C</b>	<b>KẾT DƯ NSDP</b>	<b>0</b>	<b>503.364</b>	<b>503.364</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>	<b>10.918</b>	<b>0</b>	<b>-10.918</b>	<b>0</b>
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh	10.918		-10.918	0
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>	<b>593.400</b>	<b>150.466</b>	<b>-442.934</b>	<b>25</b>
I	Vay để bù đắp bội chi	593.400	150.466	-442.934	25
II	Vay để trả nợ gốc				
<b>G</b>	<b>TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP</b>	<b>762.289</b>	<b>307.249</b>	<b>-455.040</b>	<b>40</b>
<b>G</b>	<b>TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP</b>	<b>619.493</b>	<b>64.007</b>	<b>-555.486</b>	<b>10,3</b>